



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER CO. (PJTACO)

BÁO CÁO GIỚI THIỆU

TÀU DẦU: HÀM LUÔNG 02



Đơn vị chủ quản:

Công ty CP vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex

Địa chỉ

Tầng 7, tòa nhà 322, Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh,
Tp Hồ Chí Minh

Thành phố Hồ Chí Minh ngày tháng 07 năm 2021



NỘI DUNG

STT	NỘI DUNG	TRANG
1	THÔNG SỐ CHUNG	1-2
2	CÁC GIẤY CHỨNG NHẬN TÀU VÀ TRANG THIẾT BỊ TRÊN TÀU	3-4
3	KIỂM TRA PHÂN CẤP	4
4	DUNG TÍCH KHOANG KẾT	4
5	GIỚI THIỆU CHUNG VÀ TRANG THIẾT BỊ TÀU	4-6
6	<u>PHẦN MÁY VÀ TRANG THIẾT BỊ ĐỘNG LỰC</u>	6
7	<u>KẾT LUẬN</u>	7
8	PHẦN ĐÍNH KÈM	7-16
	ẢNH CHỤP	
	GIẤY CHỨNG NHẬN	



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER CO. (PJTACO)

1. THÔNG SỐ CHUNG

Tên tàu:	HÀM LUÔNG 02
Kiểu tàu:	Tàu chở dầu (loại I)
Quốc tịch:	Việt Nam
Cảng đăng ký:	SÀI GÒN
Số đăng ký:	SG - 2411
Chủ tàu đăng ký:	Cty CP vận tải Xăng Dầu Đường Thủy Petrolimex
Địa chỉ	Tầng 7, tòa nhà 322, Điện Biên Phủ, Phường 22, Bình Thạnh, TP HCM
Cơ quan phân cấp:	VR (Đăng kiểm Việt Nam)
Cấp phương tiện	VRSI

Thông số tàu như sau:

Chiều dài lớn nhất:	52.70	m
Chiều dài hai trụ:	50.00	m
Chiều rộng:	10.44	m
Chiều cao mạn:	3.50	m
Chiều chìm mùa hè:	3.15	m
Mạn khô mùa hè:	0.35	m
Trọng tải toàn phần	1040.6	tấn
Trọng tải hàng hóa:	1020	tấn
Nhà máy đóng tàu:	Công ty TNHH Thương Mại và Đóng tàu Petrolimex	
Năm đóng mới	2006	
Số lượng và công suất máy chính:	02 x 700 CV	

2. CÁC GIẤY CHỨNG NHẬN TÀU VÀ TRANG THIẾT BỊ TRÊN TÀU

Giấy chứng nhận	Cơ quan cấp	Ngày cấp	Hạn hiệu lực
Giấy chứng nhận đăng ký	Sở giao thông công chính	31/05/2006	N/a
Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa	Đăng Kiểm Việt Nam	14/05/2021	22/08/2021
Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm cháy, nổ	Công an Tỉnh Tiền Giang	05/04/2021	04/04/2022
Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu thủy nội địa	Công ty bảo hiểm PJICO Gia Định	18/12/2020	31/12/2021
Chứng chỉ kiểm tra Bình cứu hỏa xách	Công ty Biển Xanh	15/05/2021	14/05/2022



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER CO. (PJTACO)

tay			
Chứng chỉ kiểm tra trạm CO2 cố định	Công ty Biển Xanh	15/05/2021	14/05/2022
Chứng chỉ kiểm tra trạm Foam cố định	Công ty Biển Xanh	11/08/2018	11/08/2021

3. KIỂM TRA PHÂN CẤP

Loại hình kiểm tra	Đợt kiểm tra lần cuối	Hạn kiểm tra tiếp theo
Kiểm tra định kỳ	22/05/2016	22/08/2021
Kiểm tra trung gian	22/05/2018	
Kiểm tra trên đà	22/05/2016	22/08/2021
Kiểm tra hàng năm	22/05/2021	

4. DUNG TÍCH KHOANG KẾT

Tên Kết	Sườn số	Chiều dài (m)	Dung tích(m3)
Kết hàng 1T	Sn18 – Sn41	11.5	134.69
Kết hàng 1P	Sn18 – Sn41	11.5	134.69
Kết hàng 2T	Sn41 – Sn65	12.0	152.21
Kết hàng 2P	Sn41 – Sn65	12.0	152.21
Kết hàng 3T	Sn65 – Sn89	12.0	130.6
Kết hàng 3P	Sn65 – Sn89	12.0	130.6
Kết lửng	Sn15(+250) – Sn18	1.25	23.02

5. GIỚI THIỆU CHUNG VÀ TRANG THIẾT BỊ TÀU

Tàu Hàm Luông 02 là tàu chở dầu loại I trong khoang, tàu được thiết kế vỏ thép kết cấu hàn, một boong chính liên tục, hoạt động trên các tuyến sông và được tính toán theo Qui phạm Phân cấp và đóng tàu sông “TCVN - 5801: 2001), vùng hoạt động cấp VR SI

Kết cấu tàu:

Tàu thiết kế hệ thống kết cấu ngang trên suốt chiều dài tàu, có khoảng sườn $a = 500 \text{ mm}$

5.1. Qui cách kết cấu như sau:

- Chiều dày tôn đáy: $S = 8 \text{ mm}$
- Chiều dày tôn đáy vùng buồng máy: $S = 10 \text{ mm}$
- Chiều dày tôn mạn: $S = 8 \text{ mm}$
- Chiều dày tôn boong chính: $S = 6 \text{ mm}$
- Chiều dày tôn vách ngang vách dọc: $S = 6 \text{ mm}$



- Chiều dày tôn lấu lái : $S = 6 \text{ mm}$

5.2 Phần thiết bị lái

Tàu bố trí 2 bánh lái tám chiều dày $S = 10 \text{ mm}$, trục lái có đường kính tại ổ đỡ trên là 70 mm , và đường kính tại ổ đỡ dưới là 80 mm . Mặt bích nối bánh lái và trục lái có chiều dày $S = 20 \text{ mm}$, nối bằng 6 bulong M18.

5.3 Phần thiết bị neo

Tàu có 2 neo Matrosov trang bị mỗi bên mạn tổng trọng lượng neo là 400 kg , xích neo là loại không có ngang đường kính xích $D20 \text{ mm}$, tổng chiều dài là $L=200 \text{ m}$

5.4 Phần thiết bị chằng buộc:

Tàu bố trí mỗi bên mạn 04 cột bích đôi D168 dùng dây buộc tàu Poly đường kính D40 tổng chiều dài là 180 m .

5.5 Phần thiết bị cứu sinh

Phao tròn : 4 cái

Phao áo : 8 chiếc

Dụng cụ nổi : 1 cái

5.6 Phần thiết bị tín hiệu hàng hải

- | | |
|------------------------------------|-----------|
| - Đèn hành trình mạn trái màu đỏ | : 1 chiếc |
| - Đèn hành trình mạn phải màu xanh | : 1 chiếc |
| - Đèn lái trắng | : 1 chiếc |
| - Đèn cột trắng | : 1 chiếc |
| - Đèn cột xanh | : 1 chiếc |
| - Đèn cột đỏ | : 1 chiếc |
| - Đèn neo | : 1 chiếc |
| - Đèn đỏ nháy | : 1 chiếc |
| - Bộ cờ hiệu | : 1 chiếc |
| - Âm hiệu (Còi) | : 1 chiếc |

5.7 Phần thiết bị cứu hỏa

- | | |
|---------------------------------|---|
| - Bình cứu hỏa xách tay CO2 5kg | : 2 bình |
| - Bình cứu hỏa xách tay bột 8kg | : 10 bình |
| - Bình cứu hỏa xe đẩy 35kg | : 2 bình |
| - Trạm CO2 cố định | : 1 trạm |
| - Trạm FOam cố định | : 1 trạm |
| - Bơm chữa cháy kiểu ly tâm | : 1 cái lưu lượng $36 \text{ m}^3/\text{h}$ |
| - Bộ dụng cụ chữa cháy | : 2 bộ |

5.8 Phần thiết bị hàng hải

- | | |
|------------|---------|
| - Ống nhòm | : 1 cái |
|------------|---------|



- Thiết bị đo nghiêng : 1 cái
- VHF : 1 cái

5.9 Phần thiết bị điện

Nguồn điện chính trên tàu là nguồn một chiều 24V được cung cấp bởi 2 tổ hợp ắc quy chiếu sáng 24V-200Ah. Tàu còn trang bị máy phát điện 220V - 50HZ để cung cấp điện cho tải 220V AC, và nạp các tổ hợp ắc quy.

6. PHẦN MÁY VÀ TRANG THIẾT BỊ ĐỘNG LỰC

6.1 Máy chính

- Máy chính loại : CUMMINS
- Công suất máy chính : 350 cv
- Số vòng quay máy chính : 2200 v/p
- Tỷ số truyền hộp số : $i = 4/$
- Số lượng máy chính : 2 máy

6.2 Máy phát điện và thiết bị khác

- Tàu trang bị 2 máy phát điện Công suất 1.5/6.25, điện áp 24V/220V-240V

6.3 Hệ trục - chân vịt

- **Hệ trục** : của tàu bao gồm 2 trục chân vịt được làm mát bởi tron bằng nước cưỡng bức trích từ đường bơm nước làm mát vòng ngoài máy chính. Trục được truyền động gián tiếp thông qua hộp số. Vòng quay của trục ứng với vòng quay của máy chính ở công suất liên tục lớn nhất sau khi đã được giảm tốc qua hộp số là 550 vòng/ phút. Trục chân vịt hoạt động truyền momen xoắn cho chân vịt - tạo lực đẩy tàu.

- **Chân vịt**: Tàu được trang bị 02 chân vịt có thông số cơ bản như sau

- Đường kính chân vịt : $D = 1250 \text{ mm}$
- Tỷ số bước xoắn : $H/D = 0.65$
- Số cánh chân vịt : 4 Cánh
- Tỷ số mặt đĩa : 0.55
- Chiều quay chân vịt : Theo chiều quay hộp số
- Vật liệu đúc chân vịt : Đồng thau

6.4 Hệ thống bơm vận chuyển hàng

- 01 bơm hàng trục vít chuyển dầu hàng có lưu lượng 250 m³/h
- 01 động cơ Diesel lai bơm dầu hàng
- Đường kính các đường ống chính vận chuyển hàng là ống 250A và ống 150A, đường ống hút đường kính 150A và đường ống vét đường kính 80A.



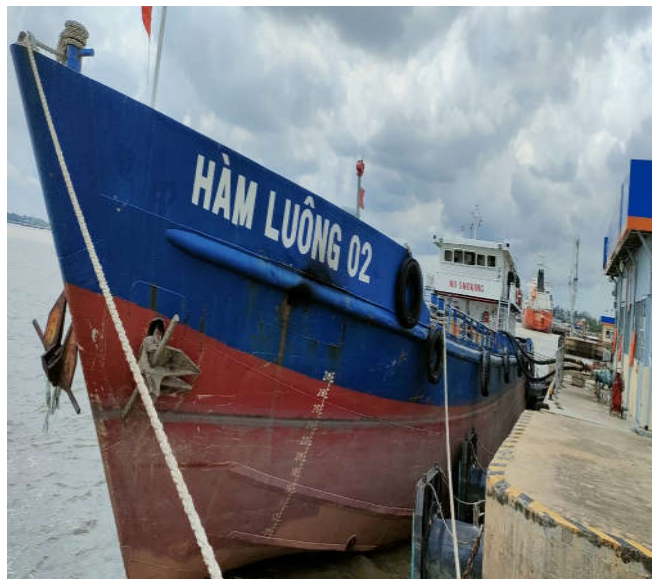
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER CO. (PJTACO)

7. PHẦN KẾT LUẬN:

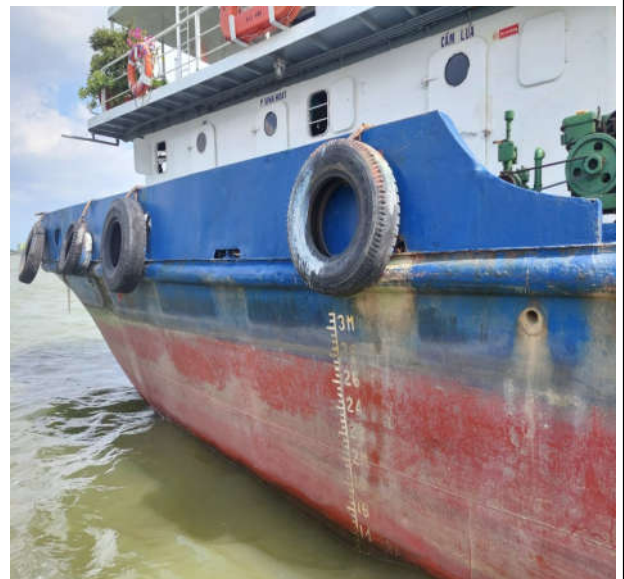
Tàu đang khai thác ổn định, tình trạng trang thiết bị hệ thống động lực của tàu hoạt động bình thường.

Về kết cấu tôn vỏ: tình trạng lớp sơn vỏ còn tốt nên mức độ hao mòn tôn vỏ và kết cấu không nhiều và nằm trong giới hạn cho phép của đăng kiểm Việt Nam.

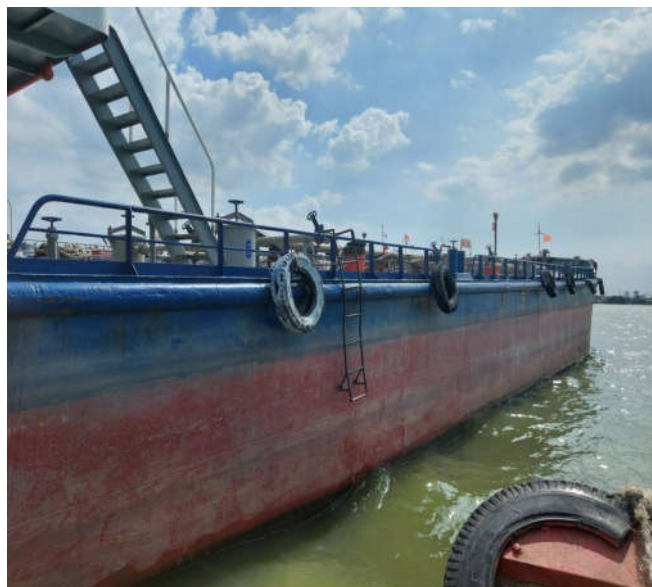
8. PHẦN ĐÍNH KÈM: Hình ảnh chụp tàu thời điểm tháng 6/2021



Hình ảnh vỏ nhìn từ mũi



Mạn phải phía sau lái





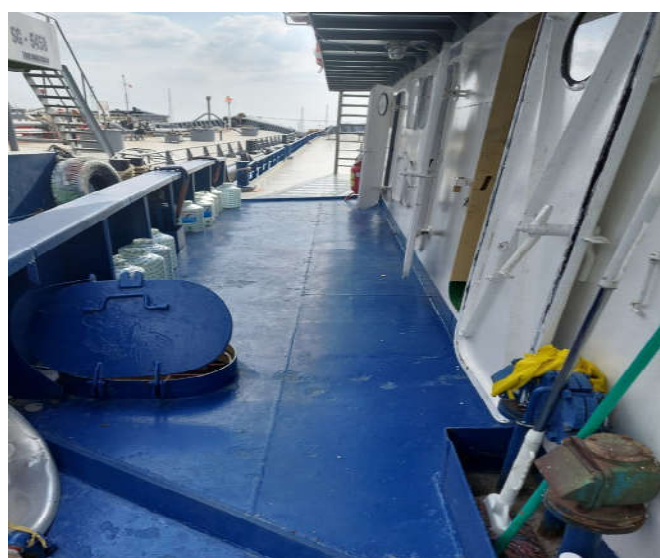
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER CO. (PJTACO)



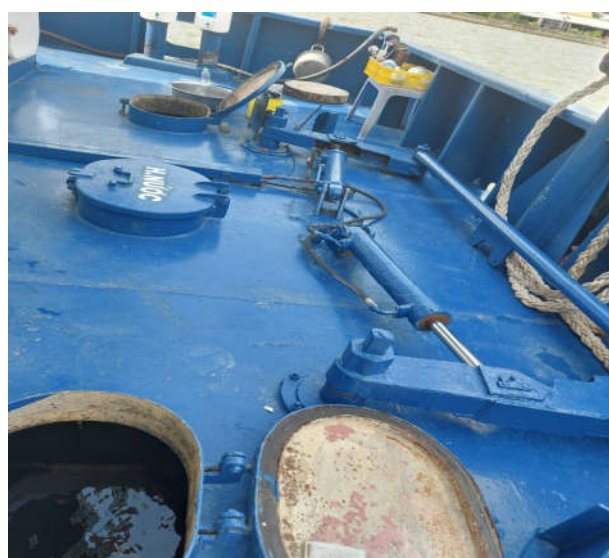
Boong chính



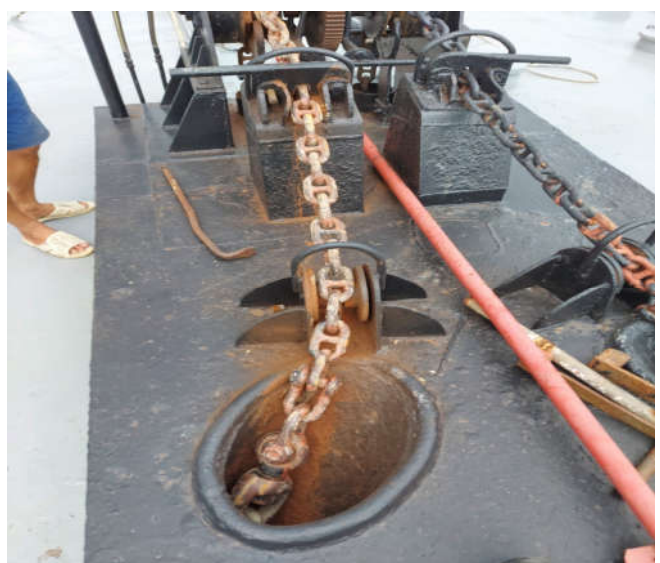
Boong chính gần cabin lái



Hành lang cabin



Boong sàn secto lái



Bố trí neo, xích neo



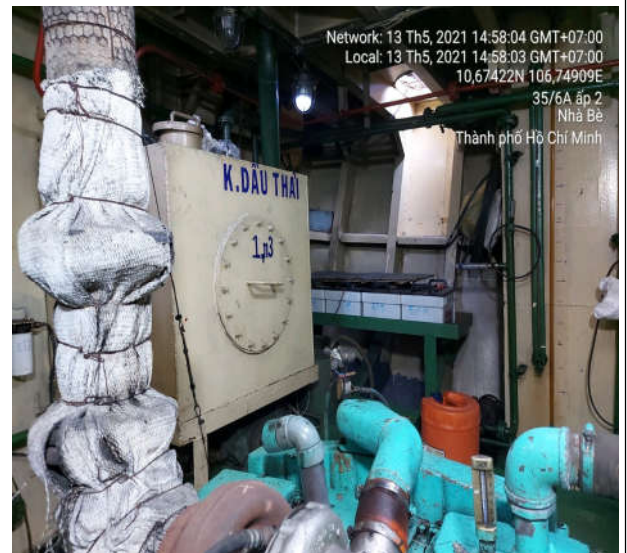
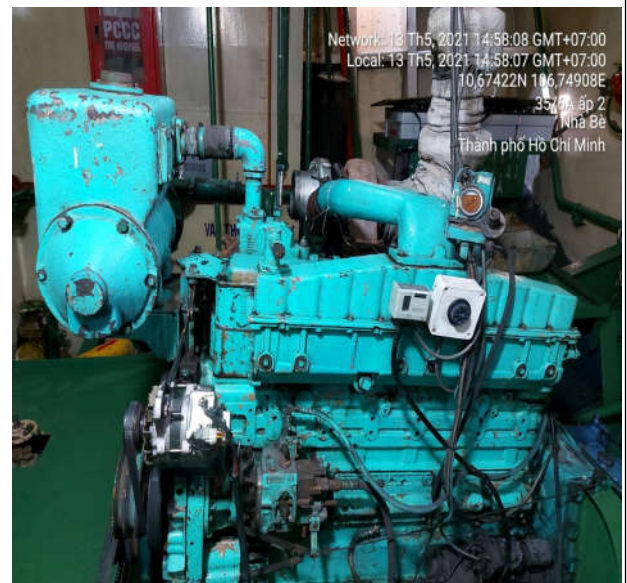
Cọc bích chằng buộc dây



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER CO. (PJTACO)



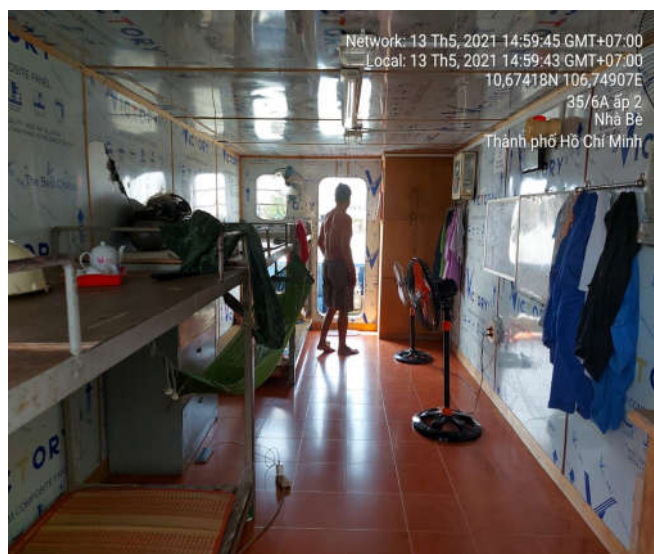
Máy chính



Khu vực buồng máy lại bơm hàng



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER CO. (PJTACO)



Buồng ở thuyền viên



Hệ thống lái



Khu vực cabin lái





CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
PETROLIMEX JOINT STOCK TANKER CO. (PJTACO)



Két Foam chữa cháy



Trạm CO2 chữa cháy



Chân vịt thay mới



Thay chân vịt mới



ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO THÔNG - CÔNG CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 2622/ĐK



BẢN SAO

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện: HẠM LUÔNG 02 Số đăng ký: SG-2411
 Chủ phương tiện: Công ty Cổ phần Vận tải xăng dầu đường thủy Petrolimex
 Địa chỉ: 236/106/1A Điện Biên Phủ, Phường 17, Quận Bình Thạnh, TP. HCM
 Đã được đăng ký phương tiện có đặc điểm sau:
 Cấp phương tiện: VR.SI Công dụng: Chở dầu (loại D)
 Năm và nơi đóng: 2006 Xưởng Bình Chánh, TP. HCM
 Chiều dài thiết kế: 50,00 m Chiều dài lớn nhất: 52,70 m
 Chiều rộng thiết kế: 10,44 m Chiều rộng lớn nhất: 10,64 m
 Chiều cao mạn: 3,50 m Chiều chìm: 3,15 m
 Mạn khô: 0,35 m Vật liệu vỏ: Thép
 Số lượng, kiểu và công suất máy chính: 02 Cummins 271B3202, 11272901, 709CV
 Trong tài toàn phần, số lượng người được phép chở, sức kéo, đẩy: 1040,6 (tấn)

Tp. Hồ Chí Minh ngày 21 tháng 12 năm 2006
SỞ GIAO THÔNG - CÔNG CHÍNH

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số chứng thực:
 Quyển số: TP/CT/ES

Ngày: 06-12-2010

CHỦ TỊCH UBND THỊ TRẤN NHÀ BÈ

Trần Thị Thanh Thủy

Trần Thị Thanh Thủy

Trang bị chạy tàu

Ông nhòm	☒	Đồng hồ	☒
Thiết bị đo sâu đơn giản	☒	Chuông lệnh	☐
Thiết bị đo nghiêng	☒	Thước đo mức nước	☒
GPS hoặc thiết bị tương tự	☐	La bàn từ hoặc la bàn chuẩn	☐
Thiết bị truyền thanh chỉ huy	☐	Ra đa	☐
Thiết bị VTD : MF/HF (chiếc)	0	VHF (chiếc)	1
S.EPIRB	☐	AIS: cấp A ☐ cấp B ☐	
SART/AIS-SART	☐		

Trang bị ngăn ngừa ô nhiễm

Thiết bị phân ly dầu nước: Số lượng (chiếc)		Tổng sản lượng:	
Kết thu hồi hỗn hợp dầu nước: Số lượng (chiếc)	1	Tổng thể tích (m ³)	0,3
Kết nước thải: Số lượng (chiếc)		Tổng thể tích (m ³)	
Kết lắng: Số lượng (chiếc)	1	Tổng thể tích (m ³)	33,6
Kết dầu bản: Số lượng (chiếc)	1	Tổng thể tích (m ³)	0,2
Bích nổi tiêu chuẩn: Số lượng (chiếc)	1	Vị trí	Ngoài buồng máy
Thiết bị chứa rác: Số lượng (chiếc)	2		
Thiết bị xử lý nước thải: Số lượng (chiếc)		Sản lượng (m ³)	

Thời hạn kiểm tra

Định kỳ:	22/08/2021	Trên đà:	22/08/2021
Hàng năm:	22/05/2022	Trung gian:	

Áp dụng đối với:

- Phương tiện hoạt động tuyến vận tải đường thủy nội địa ven biển, từ bờ ra đảo, giữa các đảo; phương tiện chở khí hóa lỏng, tàu chở công te nơ, chở xô hóa chất nguy hiểm, chở dầu; tàu khách cao tốc, tàu đệm khí.
- Các phương tiện của người nước ngoài hoặc của doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài tham gia giao thông đường thủy nội địa.
- Các phương tiện hoạt động trên sông, kênh, rạch, hồ, đầm và vịnh (trừ các phương tiện nêu ở khoản 1, 2 trên đây), có một trong các đặc trưng sau:
 - Phương tiện có sức chở người từ 50 người trở lên;
 - Phương tiện có trọng tải toàn phần từ 200 tấn trở lên;
 - Phương tiện có động cơ tổng công suất máy chính từ 135 sức ngựa trở lên;
 - Phương tiện chuyên dùng như: tàu công trình và các tàu có công dụng đặc biệt có chiều dài thiết kế từ 10 m trở lên;
 - Phương tiện có lắp đặt thiết bị nâng có sức nâng lớn hơn 1 tấn.

Trách nhiệm của chủ phương tiện:

Chịu trách nhiệm bảo đảm tình trạng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện theo các tiêu chuẩn quy định giữa hai kỳ kiểm tra.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
CHI CỤC ĐĂNG KIỂM SỐ 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BV 021946

Số: 02545/21V50

GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Tên phương tiện:	HÀM LUÔNG 02	Số ĐKHC:	SG-2411
Công dụng:	Chở dầu loại I	Số Đăng kiểm:	V50-02804
Chủ phương tiện:	Công ty CP vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex		
Địa chỉ:	Tầng 7, số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh		
Năm đóng/hoàn cải:	2006, Xưởng Bình Chánh - TP.HCM		
Kích thước cơ bản: L x B x D x d	50x10,44x3,5x3,15 m;		
L _{max} x B _{max}	52,7x10,64 m;	Mạn khô F:	350 mm;
Vật liệu:	Thép	Dung tích:	398 ;
Số lượng máy chính/phụ:	2/3	Tổng công suất:	700/275 cv;

Căn cứ báo cáo kiểm tra kỹ thuật số 02545/21V50 ngày 14 tháng 5 năm 2021

CHI CỤC ĐĂNG KIỂM SỐ 6

Chứng nhận phương tiện có đặc tính kỹ thuật và ngăn ngừa ô nhiễm ghi trong giấy chứng nhận này có trạng thái kỹ thuật thỏa mãn các yêu cầu của quy phạm, quy định hiện hành và được trao cấp:

VR-SI

Vùng hoạt động:	Vùng SI
Khả năng khai thác:	Lượng hàng: 1020 (tấn)/ TTTP: 1040,6 (tấn)

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày 22 tháng 8 năm 2021

Cấp tại TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2021

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

(Ký tên đóng dấu)

Số KS VR06008885



SI-01

Thiết kế phương tiện

Ký hiệu thiết kế: **PJTACO-01-06** Năm thiết kế: **2006**
 Số GCN: **0311/06V50** Số thẩm định: **057/CC6/ĐM06**
 Năm nơi hoàn cải:

Thiết bị neo

Neo mũi, kiểu **Matrosov (độ)** ; SL(chiếc): **2** ; Tổng khối lượng neo **400** kg
 Neo đuôi, kiểu **/** ; SL(chiếc): **0** ; Tổng khối lượng neo **/** kg
 Chiều dài/ đường kính xích, cáp: Mũi **100/20; 100/20** ; Đuôi:
 Kiểu tời neo: Mũi **Thủy lực** ; Đuôi **/**

Thiết bị lái

Bánh lái: Kiểu **Tám** ; số lượng (chiếc): **2** ; Tổng DT (m²): **6,72**
 Máy lái chính: Kiểu **Thủy lực** ; Mô men lái (tm): **2**
 Máy lái dự phòng: Kiểu **Bơm tay thủy lực** ; Mô men lái (tm): **2**

Thiết bị chằng buộc

Dây buộc: số lượng (chiếc) **3** Tổng chiều dài (m) **180**
 Cột buộc dây: Kiểu **Bít đôi/Bít đơn** Số lượng (chiếc) **8/2**

Thiết bị kéo

Cột kéo: Kiểu ; Đường kính (mm):
 Móc kéo: Kiểu ; Lực kéo định mức (kN):
 Tời thu dây: kiểu ; Lực kéo định mức (kN):
 Dây kéo loại: ; Chiều dài (m)

Máy chính

Máy chính	Mác	Năm chế tạo	Số chế tạo	Công suất (cv)
1	CUMMINS	1985	11272901	350
1	CUMMINS	1984	27113203	350

Máy phụ

Số lượng, mác, công suất (cv): **3; Cummins/VikynoRV125N/VikynoRV125N; 250/12,5/12,5**

Thiết bị điện

Số lượng máy phát (chiếc): **2**
 Công suất (KVA): **1,5/6,25** ; Điện áp (V): **24V/220V-240V**
 Số bình ắc quy: **4** ; Điện áp (V): **12** ; Tổng dung lượng (Ah): **200x4**

Hệ thống không khí nén

Bình khí nén: Số lượng(chiếc):
 Máy nén khí: Số lượng (chiếc):

BV021946

Thiết bị nâng

Số chế tạo hoặc số quản lý:

Tầm với lớn nhất (m)/sức nâng (tấn):

Tầm với nhỏ nhất (m)/sức nâng (tấn):

Trang bị chữa cháy

Kiểu bơm: **Ly tâm** ; SL(chiếc) **1** ; Lưu lượng (m³) **36**
 Loại khí **Trạm CO2** ; Tổng khối lượng (kg) **140**
 Loại bọt **FOAM** ; Tổng thể tích (lít) **300**
 Bình bọt đẩy: Số lượng x dung tích (lít):
 Thiết bị tạo bọt xách tay: Số lượng:
 Bình CO₂ Số bình x khối lượng (kg) **2x5**
 Bình bọt: Số bình x khối lượng (kg) **10x8**
 Bình bọt: Số bình x dung tích (lít) **2x35**
 Bộ dụng cụ chữa cháy thủ công: ☒ ; Sơ đồ bố trí thiết bị chữa cháy: ☒

Trang bị cứu sinh

Phao tròn: Không dây (chiếc) **3** ; Có dây(chiếc): **1**
 Phao áo (chiếc): **8** ; Phao áo trẻ em (chiếc):
 DC nổi/phao bè/Xuồng (chiếc): **1** ; Tổng sức chở (người): **8**

Trang bị cứu đuối

Bơm hút khô: kiểu **Ly tâm** ;
 Số lượng (chiếc): **2** ; Lưu lượng (m³) **50**
 Bộ dụng cụ cứu đuối: ☒
 Thiết bị tự động báo mức nước đáy khoang: ☐

Trang bị tín hiệu

Đèn hiệu:

Đèn mạn đỏ ☒ ; Đèn mạn xanh ☒ ; Đèn trắng lái ☒ ;
 Đèn cột trắng: ☒ ; Đèn cột xanh ☒ ; Đèn cột đỏ ☒ ; Đèn neo ☒ ;
 Đèn lai đỏ ☐ ; Đèn lai xanh ☐ ; Đèn vàng ☐ ;
 Đèn trắng nháy ☐ ; Đèn vàng nháy ☐ ; Đèn đỏ nháy ☒ ;
 Đèn cho các tình huống khác ☒ Đèn nửa xanh nửa đỏ ☐ ; Đèn dự trữ ☒ ;

Âm hiệu:

Còi-1

Vật hiệu: Tam giác đen ☐ ; Tam giác trắng ☐ ; Vuông đen ☒ ;
 Chữ nhật đen ☐ ; Tròn đen ☒ ; Tròn trắng ☐ ;
 Hình thoi góc vuông đen ☒ ;
 Bộ cờ hiệu ☒ ; Pháo hiệu dù ☐ ; Súng phóng dây ☐ ;



CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
BÁO CÁO KIỂM TRA KỸ THUẬT
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA

Số: 02545/21V50Số kiểm soát: VR06008885**1. Thông tin chung**

Tên phương tiện: HÀM LUÔNG 02 Vật liệu: Thép
 Nơi đăng ký hành chính: TP. Hồ Chí Minh Số ĐKHC: SG-2411
 Đơn vị ĐK quản lý: Chi cục Đăng kiểm số 6 Số Đăng kiểm: V50-02804
 Công dụng: Chở dầu loại I Cấp tàu: VR-SI
 Chủ phương tiện: Công ty CP vận tải xăng dầu Đường thủy Petrolimex
 Địa chỉ: Tầng 7, số 322 Điện Biên Phủ, P.22, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Đơn vị ĐK kiểm tra: Chi cục Đăng kiểm số 6
 Nơi kiểm tra: Nhà Bè Ngày kiểm tra: 13/05/2021
 Phương tiện kiểm tra ở trạng thái: Trên đà ☐ Trạng thái nổi ☒
 Nguồn gốc phương tiện: Đóng mới ☐ Hiện có ☒ Nhập khẩu ☐ Chuyển từ tổ chức khác ☐

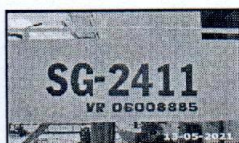
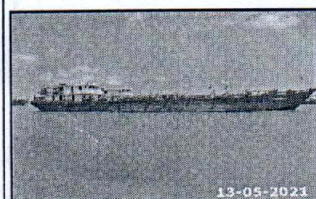
2. Thông số cơ bản

Tên/Ký hiệu thiết kế: /PJTACO-01-06
 Số GCN thẩm định TK/Số thẩm định TK: 0311/06V50 / 057/CC6/ĐM06
 Năm, nơi đóng /hoán cải: 2006, Xưởng Bình Chánh - TP.HCM
 Các thông số chính: Lmax = 52,7 m; Bmax = 10,64 m; D = 3,5 m; DT = 398 ;
 V = 1301 m³;
 L = 50 m; B = 10,44 m; d = 3,15 m; d_σ = 0,78 m; F = 350 mm

Máy chính: Mác máy / Số lượng: CUMMINS/11272901; CUMMINS/2711320 Tổng công suất: 700 sức ngựa;
 Máy phụ: Mác máy / Số lượng: Cummins; VikynoRV125N; VikynoRV125 Tổng công suất: 275 sức ngựa;

3. Kết quả kiểm tra

Loại kiểm tra: Bất thường
 Trạng thái kỹ thuật và BVMT sau khi kiểm tra: Thỏa mãn ☒; Không thỏa mãn ☐; Hạn chế ☐;
 Cấp tàu được: Cấp lần đầu ☐; Cấp lại ☐; Xác nhận ☒;
 Thời hạn kiểm tra lần tới: Định kỳ: 22/08/2021 Hàng năm: 22/05/2022 Trung gian: Trên đà: 22/08/2021
 Dung tích được: Đo lần đầu ☐; Xác nhận ☒; Đo lại ☐; (lý do đo lại);
 Trọng tải toàn phần được: Đo lần đầu ☐; Xác nhận ☒; Đo lại ☐; (lý do đo lại);
 Mạn khô và dấu hiệu chở hàng được: Xác định lần đầu ☐; Xác định lại ☐; Xác nhận ☒;
 Phương tiện được cấp giấy chứng nhận ATKT và BVMT thời hạn đến ngày: 22 tháng: 08 năm: 2021
 Vùng hoạt động: Vùng SI
 Khả năng khai thác: Lượng hàng: 1020 (tấn)/ TTTP: 1040,6 (tấn)
 Những yêu cầu, lưu ý:

Cấp tại: TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2021**CƠ QUAN ĐĂNG KIỂM**

Nơi nhận: Phương tiện, Chủ phương tiện, Đơn vị ĐK kiểm tra.



GIÁM ĐỐC
Phạm Ninh

(Signature)
 NGUYỄN ĐO HÙNG
(Signature)
 Đặng Văn Thọ



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM PETROLIMEX (PJICO) PETROLIMEX INSURANCE CORPORATION

Trụ sở chính: Tầng 21 - 22, Tòa nhà MIPEC, số 229 Tây Sơn, Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.37760867 Fax: 024.37760868, 37763283
Website: <http://www.pjico.com.vn> E-mail: pjico@petrolimex.com.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM TÀU THỦY NỘI ĐỊA

Số: P-20/GDI/HHA/2300/000019

Trên cơ sở yêu cầu bảo hiểm và Người được bảo hiểm/Người mua bảo hiểm nộp phí bảo hiểm theo quy định, Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Petrolimex (PJICO) đồng ý nhận bảo hiểm như sau:

Người được bảo hiểm : CÔNG TY CP VẬN TẢI XD ĐƯỜNG THỦY PETROLIMEX
Tầng 7, Tòa nhà số 322 Điện Biên Phủ - Phường 22 - Quận Bình Thạnh - TP Hồ Chí Minh

Mã số khách hàng : 0040000158

Tên tàu/Số đăng ký : HÀM LUÔNG 02 / SG-2411 **Loại tàu** : TÀU CHỜ DẦU **Cảng đăng ký** : TP.HCM

Năm / Nơi đóng : 2006 / TP Hồ Chí Minh **Vật liệu vỏ** : THÉP **Cấp tàu** : VRS1

Công suất máy : 700 **Dung tích** : **Trọng tải** : 1,020.000

Phạm vi hoạt động : VÙNG NỘI THỦY VIỆT NAM PHÙ HỢP VỚI CẤP SI + CAMPUCHIA

Số lượng thuyền viên :

Hiệu lực bảo hiểm : Từ 00h00 01/01/2021 đến 23h59 31/12/2021

Giá trị thực tế thân tàu : VND 3,000,000,000 (BA TỶ ĐỒNG CHẴN)
Trong đó: Vỏ : Máy móc : Trang thiết bị :

Điều kiện bảo hiểm

- Thân tàu thủy nội địa : ĐIỀU KIỆN BẢO HIỂM A THEO QUY TẮC BẢO HIỂM TÀU THỦY NỘI ĐỊA PJICO 2012
- TNDS chủ tàu thủy nội địa : BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CHỦ TÀU THEO QUY TẮC BẢO HIỂM TÀU THỦY NỘI ĐỊA PJICO 2012

Loại hình bảo hiểm	Số tiền BH/Mức trách nhiệm BH	Tỷ lệ/Mức phí BH	Phí bảo hiểm	Thuế VAT
1. Thân tàu thủy nội địa	3,000,000,000 VND	1.59 %	47,817,000 VND	4,781,700 VND
2. TNDS chủ tàu thủy nội địa	4,000,000,000 VND/vụ	57,200 VNĐ/TẤN	58,344,000 VND	5,834,400 VND
Trong đó giới hạn thiệt hại về người	30,000,000 VND/người/vụ			
CÔNG TỔNG SỐ			106,161,000 VND	10,616,100 VND
				116,777,100 VND

Mức khấu trừ

- Thân tàu thủy nội địa : - 2.5% /SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, TỐI THIỂU LÀ 5.000.000 ĐỒNG/VỤ TỔN THẤT
- TNDS chủ tàu thủy nội địa : - TNDS ĐỐI VỚI CON NGƯỜI: 1.000.000 ĐỒNG/NGƯỜI/VỤ TỔN THẤT
- TNDS ĐỐI VỚI HÀNG HÓA: 15% /SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, TỐI THIỂU LÀ 5.000.000 ĐỒNG/VỤ TỔN THẤT
- TNDS ĐỐI VỚI THIẾT HẠI KHÁC: 2,5% /SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG, TỐI THIỂU LÀ 3.000.000 ĐỒNG/VỤ TỔN THẤT

Đồng bảo hiểm : Nhà Đồng bảo hiểm **Tỷ lệ:**
CÔNG TY BẢO HIỂM PJICO GIA ĐỊNH 100.00 %

Thanh toán phí bảo hiểm : CHI TIẾT THEO HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Giải quyết bồi thường tại : CÔNG TY BẢO HIỂM PJICO GIA ĐỊNH

Lưu ý quan trọng

Các điều kiện, điều khoản, quy tắc, đoạn kết, sửa đổi bổ sung, các giấy yêu cầu bảo hiểm và các giấy yêu cầu sửa đổi bổ sung (nếu có) đính kèm là bộ phận cấu thành và không thể tách rời với Giấy chứng nhận bảo hiểm.

Người được bảo hiểm
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngày 18 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY BẢO HIỂM PJICO GIA ĐỊNH



GIÁM ĐỐC
Hà Thanh Nam

Ghi Chú: Trường hợp xảy ra tổn thất có thể dẫn đến khiếu nại theo giấy chứng nhận bảo hiểm này, đề nghị thông báo ngay cho PJICO theo số điện thoại đường dây nóng:
Remark: In the case of loss or damage that may result in the claim under this certificate of insurance, Please inform PJICO immediately via hotline:

1900 54 54 55 or (024) 35 57 57 57

I. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI ĐƯỢC BẢO HIỂM KHI XẢY RA TỔN THẤT

Khi xảy ra tổn thất liên quan đến tàu được bảo hiểm, Người được bảo hiểm phải:

1. Thông báo ngay cho Tổng công ty bảo hiểm Petrolimex (PJICO) hay đại diện của PJICO nơi xảy ra sự cố mọi thông tin liên quan đến tổn thất, thiệt hại của tàu hay người thứ ba có liên quan.
2. Tiến hành mọi biện pháp có thể thực hiện được nhằm phòng tránh hoặc giảm nhẹ tổn thất hay trách nhiệm cho tàu được bảo hiểm.
3. Có nghĩa vụ cung cấp cho người bảo hiểm mọi tin tức, tài liệu, bằng chứng mà mình có và phải áp dụng những biện pháp cần thiết để người bảo hiểm có thể thực hiện quyền truy đòi người thứ ba.

Người bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường cho những thiệt hại, tổn thất xảy ra do phía Người được bảo hiểm không chấp hành/thực hiện đầy đủ nghĩa vụ như đã quy định trên đây.

II. HỒ SƠ KHIẾU NẠI BỒI THƯỜNG

Khi yêu cầu Người bảo hiểm bồi thường về những thiệt hại hay tổn thất thuộc trách nhiệm Hợp đồng bảo hiểm, Người được bảo hiểm cần nộp đầy đủ giấy tờ chứng minh, trong đó tùy từng trường hợp liên quan phải có:

1. Công văn thông báo tổn thất;
2. Công văn khiếu nại bồi thường;
3. Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm;
4. Giấy tờ đăng ký, đăng kiểm của tàu;
5. Báo cáo sự cố và/hoặc Kháng nghị hàng hải có xác nhận của cơ quan chức năng nơi xảy ra sự cố (hoặc nơi đến đầu tiên nếu sự cố xảy ra khi tàu đang hành trình);
6. Biên bản giám định của PJICO hoặc của tổ chức giám định độc lập được PJICO chỉ định;
7. Biên bản tai nạn/sự cố do cơ quan chức năng tại địa phương nơi xảy ra sự cố lập (trường hợp sự cố có liên quan tới trách nhiệm của Người thứ ba);
8. Bảng cấp Thuyền trưởng, Máy trưởng và những chứng từ khác có liên quan (nhật ký boong, nhật ký máy hay các giấy tờ khác của tàu... tùy theo từng vụ việc cụ thể);
9. Các hóa đơn, chứng từ có liên quan tới chi phí đòi bồi thường;
10. Giấy chứng nhận xóa tên đăng ký phương tiện của cơ quan có thẩm quyền (trường hợp tàu bị mất tích, tổn thất toàn bộ thực tế hoặc tổn thất toàn bộ ước tính);
11. Giấy biên nhận và thế quyền đòi bồi thường, kèm theo toàn bộ tài liệu, chứng từ có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba (nếu có);
12. Ngoài ra tùy từng trường hợp cụ thể khác cần cung cấp thêm theo yêu cầu của Người bảo hiểm.

III. KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ TRANH CHẤP:

1. Thời hạn yêu cầu trả tiền bảo hiểm hoặc bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm là 01 (một) năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm.
2. Mọi khiếu nại được giải quyết theo Luật pháp Việt Nam và các quy tắc, điều khoản áp dụng theo Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc Hợp đồng bảo hiểm.
3. Mọi tranh chấp nếu không giải quyết được bằng thương lượng sẽ đưa ra toàn án nhân dân cấp có thẩm quyền nơi bị đơn đặt trụ sở để giải quyết.

I. PROCEDURE IN THE EVENT OF LOSS

When a loss occurs involving the insured vessel, the Assured must:

1. *Report immediately to Petrolimex Insurance Corporation (PJICO) or PJICO's representative at the incident location any information relating to the loss or damage of the vessel or the relevant third party.*
2. *Carry out any legal remedy available to prevent or mitigate loss or liability of the insured vessel.*
3. *It is obliged to provide the insurer with all information, documents and evidences that he or she has and must take the necessary measures so that the insurer can exercise the right of recourse against a third party.*

The insurer will not be liable for any loss or damage caused by the Assured failure to comply with or fulfill its obligations set out above.

II. DOCUMENTS OF CLAIMS

When requesting the insurer to compensate for any damage or loss under the Insurance Contract, the Assured shall submit all supporting documents, which include, as the case may be:

1. *Notice of loss;*
2. *Letter of Claims;*
3. *Certificate of Insurance and/or Insurance contract;*
4. *The registration and registry of the Vessel;*
5. *Incident Report and/or Sea Protest certified by the authorities where the incident happened (or first place of destination if the incident occurs while the vessel is in transit);*
6. *The Survey report of PJICO or the independent assessment organization appointed by PJICO;*
7. *Accident/incident record issued by the relevant authority in the place where the incident occurs (in case of an incident involving the responsibility of a third party);*
8. *Master's Degree, Chief Engineer's Degree and other relevant documents (Deck log book, Machinery log book or other documents of the vessel... depending on each specific case.);*
9. *Invoices and vouchers related to the cost of claims;*
10. *Certificate of ship deregistration (in case of missing, actual total loss or estimated total loss);*
11. *Receipt and subrogation, accompanied by all documents and documents related to the liability of the third party (if any);*
12. *In addition, as the case may be, additionally, as required by the Underwriters.*

III. COMPLAINTS AND DISPUTES:

1. *The time limit for claiming insurance or indemnity under the insurance contract is 01 (one) year from the date of occurrence of the insured event.*
2. *Complaints shall be handled in accordance with the Laws of Vietnam and the rules and terms applicable under the Certificate of Insurance and/or the Policy.*
3. *All disputes that can not be resolved by negotiation shall be submitted to the competent people's court at the level of the place where the defendant is located for settlement.*

Số:.....59...../VC-PCCC

GIẤY PHÉP
VẬN CHUYỂN CHẤT, HÀNG NGUY HIỂM CHÁY, NỔ

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Theo đề nghị của: CÔNG TY CỔ PHẦN VTXD ĐT PETROLIMEX.,

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ cho phép:

Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân: CÔNG TY CỔ PHẦN VTXD ĐT PETROLIMEX.

Địa chỉ: TP. Hồ Chí Minh. Điện thoại:

Đại diện là ông/bà: Đặng Thị Xuân Hương. Chức danh: Tổng Giám đốc.

Được phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm về cháy, nổ ghi tại trang 02....., đồng thời chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện phải có trách nhiệm duy trì các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy của phương tiện và chấp hành đầy đủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy trong suốt quá trình vận chuyển.

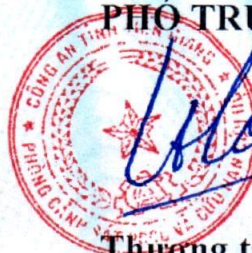
Thời hạn của giấy phép: Đến ngày 04/4/2022.

Nơi nhận:

- Chủ phương tiện;
-
- PCCC;
- Lưu:

Tiền Giang, ngày 05 tháng 4 năm 2021

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Thượng tá Lê Thanh Long

DANH MỤC HÀNG HÓA NGUY HIỂM VỀ CHÁY, NỖ ĐƯỢC PHÉP VẬN CHUYỂN

(Kèm theo Giấy phép vận chuyển chất, hàng nguy hiểm về cháy, nổ số 59/VC-PCCC ngày 05 tháng 4 năm 2021 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tiền Giang)

[illegible]